

## BÁO CÁO

### **Kết quả thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; phương án phân bổ kế hoạch vốn và dự toán NSNN thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Cư Jút.

## PHẦN I

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

#### **I. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện**

Thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cư Jút lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 HĐND huyện Cư Jút về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/9/2022 của HĐND huyện Cư Jút về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Cư Jút về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút; Ban hành Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 huyện Cư Jút; Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia...

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Cư Jút về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn NSNN thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Cư Jút; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/7/2023 của HĐND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cư Jút năm 2023. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND huyện Cư Jút về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán NSNN thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Cư Jút; Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung thuộc kế

hoạch thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cư Jút năm 2023 để kịp thời triển khai thực hiện. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của huyện tích cực chủ động vào cuộc một cách quyết liệt; chỉ đạo điều hành thực hiện tốt các nội dung của Chương trình MTQG, cũng như kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền trong quá trình triển khai thực hiện.

## **II. Kết quả thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện**

### **1. Phân bổ, giao kế hoạch các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023, UBND huyện đã trình HĐND huyện đã thông qua Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn NSNN thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Cư Jút, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán NSNN thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn huyện Cư Jút cụ thể:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 16.345 triệu đồng (bao gồm vốn ngân sách trung ương 14.138 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 2.207 triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 10.106 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 9.188 triệu đồng, nguồn ngân sách địa phương 918 triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 48.639 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 24.102 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 24.537 triệu đồng. Trong đó ngân sách huyện 18.032 triệu đồng, ngân sách xã 6.505 triệu đồng).

#### **1.1. Nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2023:**

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 5.998 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 5.445 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng là 553 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 937 triệu đồng, trong đó Ngân sách trung ương 851 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng là 86 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 39.287 triệu đồng, trong đó Ngân sách trung ương 19.426 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng là 19.861 triệu đồng.

### **1.2. Nguồn vốn sự nghiệp năm 2023:**

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 10.347 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 8.693 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng là 1.654 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 9.169 triệu đồng, trong đó Ngân sách trung ương 8.337 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng là 832 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 9.352 triệu đồng, trong đó Ngân sách trung ương 4.676 triệu đồng; ngân sách địa phương đối ứng là 4.676 triệu đồng.

## **2. Kết quả thực hiện các nguồn vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023**

Ước thực hiện giải ngân các nguồn vốn 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023: 58.408/75.090 triệu đồng, đạt 77,78% kế hoạch. *(Nếu không tính nguồn vốn phân bổ tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững 2.971 triệu đồng; tiểu dự án 3, Dự án 5 thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.661 triệu đồng không còn nhu cầu thực hiện; tiểu dự án 1, Dự án 9 thuộc chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3.024 triệu đồng chưa có quy định về hình thức hỗ trợ thì tổng số giải ngân 03 chương trình đạt trên 85% kế hoạch).*

### **2.1. Nguồn vốn sự nghiệp năm 2023**

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 5.963/9.169 triệu đồng, đạt tỷ lệ 65,04% trong đó: Ngân sách trung ương: 5.467/8.337 triệu đồng, đạt tỷ lệ 65,6%; ngân sách địa phương đối ứng là 496/832 triệu đồng, đạt tỷ lệ 59,6%

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.762/10.347 triệu đồng, đạt tỷ lệ 46,2% trong đó Ngân sách trung ương: 4.616/8.693 triệu đồng, đạt tỷ lệ 53,1%; ngân sách địa phương đối ứng là: 146/1.654 triệu đồng, đạt tỷ lệ 8,8%

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 7.014/ 9.352 triệu đồng, đạt tỷ lệ 75%, trong đó Ngân sách trung ương: 4.676/4.676 triệu đồng; đạt tỷ lệ 100%, ngân sách địa phương đối ứng là: 2.338/4.676 triệu đồng, đạt tỷ lệ 50%.

*(Chi tiết có phụ lục I, II, III kèm theo)*

## 2.2. Nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2023

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.964/5.998 triệu đồng, đạt tỷ lệ 83%, trong đó: Ngân sách trung ương: 4.555/5.445 triệu đồng; đạt tỷ lệ 83,65%, ngân sách địa phương đối ứng là: 409/553 triệu đồng. đạt tỷ lệ 73,96%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 113/937 triệu đồng, đạt tỷ lệ 12%. trong đó Ngân sách trung ương: 102/851 triệu đồng; đạt tỷ lệ 12%. ngân sách địa phương đối ứng là: 11/86 triệu đồng. đạt tỷ lệ 1,3%. Trong đó: nguồn vốn phân bổ cho Trung tâm GDNN-GDTX thực hiện phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn chưa thực hiện giải ngân.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 35.592/39.287 triệu đồng, đạt tỷ lệ 90,59%. trong đó Ngân sách trung ương: 19.426/19.426 triệu đồng; đạt tỷ lệ 100%. ngân sách địa phương đối ứng là: 16.166/19.861 triệu đồng. đạt tỷ lệ 83,22%.

*(Chi tiết có phụ lục IV, V, VI kèm theo)*

## 3. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023

### 3.1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Dự kiến giải ngân: 6.076 triệu đồng trong đó:

#### \* *Vốn sự nghiệp:*

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: 3.377 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 3.070 triệu đồng; ngân sách địa phương là 307 triệu đồng.

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: 1.489 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 1.354 triệu đồng; ngân sách địa phương là 135 triệu đồng.

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

+ Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn là 594 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 540 triệu đồng; ngân sách địa phương là 54 triệu đồng.

+ Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững là 164 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 164 triệu đồng.

- Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình là 339 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 339 triệu đồng.

#### \* *Vốn đầu tư:*

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.

+ Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn. Chưa triển khai thực hiện do chờ văn bản của Trung ương hướng dẫn vì Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện không thuộc đối tượng thụ hưởng theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững là 113 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 102 triệu đồng; ngân sách địa phương là 11 triệu đồng.

### **3.2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

#### **\* *Vốn sự nghiệp***

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 687 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 687 triệu đồng.

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá

+ Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 501 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 479 triệu đồng; ngân sách địa phương là 22 triệu đồng

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 239 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 239 triệu đồng.

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

+ Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi là 4.161 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 1.600 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 1.600 triệu đồng.

+ Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp là 67 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 67 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch là 132 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 66 triệu đồng; ngân sách địa phương là 66 triệu đồng.

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em là 542 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 542 triệu đồng.

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em là 198 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 198 triệu đồng.

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

+ Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Chưa có quy định về hình thức hỗ trợ (trực tiếp hay xoay vòng), định mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ hộ gia đình hay nhóm hộ cộng đồng và chưa có quy định về hình thức hỗ trợ (trực tiếp hay xoay vòng), thành phần, số lượng dân tộc còn gặp nhiều khó khăn nên chưa có cơ sở pháp lý thực hiện giải ngân.

+ Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 453 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 453 triệu đồng.

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

+ Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 là 343 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 285 triệu đồng; ngân sách địa phương là 58 triệu đồng.

#### **\* Vốn đầu tư**

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 2.948 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 2.800 triệu đồng; ngân sách địa phương là 148 triệu đồng.

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

+ Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.485 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 1.485 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch là 531 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 270 triệu đồng; ngân sách địa phương là 261 triệu đồng.

### **3.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

#### **\* Đối với ngân sách cấp huyện**

##### **- Vốn sự nghiệp**

+ Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương

trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững là 45 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 25 triệu đồng; ngân sách địa phương là 20 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn là 145 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 75 triệu đồng; ngân sách địa phương là 70 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam là 80 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 50 triệu đồng; ngân sách địa phương là 30 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CDS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BDG ... là 130 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 100 triệu đồng; ngân sách địa phương là 30 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới là 130 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 100 triệu đồng; ngân sách địa phương là 30 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn là 85 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 50 triệu đồng; ngân sách địa phương là 35 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM là 97,5 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương là 75 triệu đồng; ngân sách địa phương là 22,5 triệu đồng.

#### **- Vốn đầu tư**

Tổng số vốn phân bổ trong năm 2023: 34.662 triệu đồng. Dự kiến giải ngân là 34.205 triệu đồng đạt 98,68%.

#### **\* Đối với cấp xã**

##### **- Vốn sự nghiệp**

Tổng số vốn phân bổ trong năm 2023: 8.402 triệu đồng. Dự kiến giải ngân là 6.302 triệu đồng đạt 75%.

##### **- Vốn đầu tư**

Tổng số vốn phân bổ trong năm 2023: 4.625 triệu đồng. Dự kiến giải ngân là 1.388 triệu đồng đạt 30%.

### III. Một số khó khăn, vướng mắc:

1. Khó khăn, vướng mắc cần kiến nghị các Bộ, ngành, Trung ương xem xét, giải quyết.

#### 1.1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- *Tiểu dự án 3 Dự án 5*: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Hiện nay, trên địa bàn huyện, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp rất cần hỗ trợ đầu tư bằng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia nhưng lại không thuộc đối tượng áp dụng theo quy định của Chương trình. Ngoài ra, nguồn vốn thực hiện nội dung này đều có ở cả 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, đối tượng không có nhu cầu đào tạo hoặc đã đào tạo ở các Chương trình khác.

- *Tiểu dự án 4 Dự án 5*: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Đến nay, Ủy ban Dân tộc chưa ban hành bộ tài liệu, do vậy, chưa thực hiện được.

- *Tiểu dự án 1 Dự án 9*: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù: Chưa có quy định về hình thức hỗ trợ (trực tiếp hay xoay vòng), định mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ hộ gia đình hay nhóm hộ cộng đồng và chưa có quy định về hình thức hỗ trợ (trực tiếp hay xoay vòng), thành phần, số lượng dân tộc còn gặp nhiều khó khăn nên chưa có cơ sở pháp lý thực hiện giải ngân.

#### 1.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- *Tiểu dự án 1, Dự án 4*: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn vốn đầu tư sửa chữa cơ sở năm 2023 đã được phân bổ, tuy nhiên hiện nay chưa triển khai thực hiện do chờ văn bản của Trung ương hướng dẫn vì Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện không thuộc đối tượng thụ hưởng theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Tiểu Dự án 1, Dự án 3*: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp có nhiều quy định mới, khác biệt so với giai đoạn 2016-2020 nên đa số các địa phương gặp khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Đối tượng hưởng lợi của dự án là hộ nghèo, cận nghèo chủ yếu tập trung tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống còn nhiều khó khăn nên việc đối ứng kinh phí ngoài khoản hỗ trợ của ngân sách nhà nước cũng như thu hồi một phần vốn hỗ trợ khi tham gia dự án gặp những khó khăn nhất định.



### **1.3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Về quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đối với huyện Cư Jút với tỷ lệ đối ứng là 1:1. Hiện nay, khả năng cân đối ngân sách địa phương gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến việc bố trí vốn đối ứng chưa đảm bảo theo yêu cầu.

### **2. Một số khó khăn, vướng mắc địa phương cần tập trung giải quyết**

- Công tác quy hoạch còn gặp nhiều, vướng mắc, bất cập, còn thiếu các quy hoạch như: Quy hoạch chung của cấp huyện, cấp xã; quy hoạch nông thôn mới (giai đoạn 2021-2025), quy hoạch khu dân cư tập trung, quy hoạch đô thị; do vậy, việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương được xác định chủ yếu từ nguồn thu huy động đóng góp và thu tiền sử dụng đất, tuy nhiên do tác động tiêu cực thị trường bất động sản đóng băng, giao dịch bất động sản giảm đáng kể, khó khăn vướng mắc về quy hoạch ảnh hưởng đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất đấu giá quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất chưa đạt kế hoạch được giao làm ảnh hưởng đến việc cân đối nguồn để đảm bảo đối ứng theo kế hoạch.

- Công tác quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia của một số đơn vị, địa phương chưa thật sự quyết liệt; Một số đơn vị, địa phương chưa chủ động nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh để triển khai thực hiện; Sự phối hợp, hướng dẫn triển khai thực hiện giữa các cơ quan chủ trì thực hiện 03 chương trình MTQG, cơ quan chủ trì dự án thành và các đơn vị, địa phương chưa kịp thời...

## **IV. ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN PHÂN BỐ 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2023**

Trong năm 2023 để phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương trên địa bàn huyện, UBND huyện đã trình Hội đồng nhân dân huyện, Thường trực HĐND huyện Ban hành Nghị quyết, Chủ trương sau:

- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/7/2023 của HĐND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút.

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/7/2023 của HĐND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cư Jút năm 2023.

- Công văn số 142/HĐND-VP ngày 21 tháng 9 năm 2023 của HĐND huyện Cư Jút về việc phân bổ dự toán vốn sự nghiệp nguồn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm

2023 trên địa bàn huyện Cư Jút và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2023.

- Công văn số 171/HĐND-VP ngày 15 tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Cư Jút về việc thống nhất chủ trương kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương; điều chỉnh các nội dung dự án thành phần của từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút.

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện, Chủ trương của Thường trực HĐND huyện. UBND huyện đã ban hành các Quyết định phân bổ, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Quyết định 1964/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút.

- Quyết định 1965/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cư Jút năm 2023.

- Quyết định 3111/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, năm 2023.

- Quyết định 3112/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc giao dự toán vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương; Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn huyện Cư Jút.

- Quyết định 3948/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định 3949/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023.

- Quyết định 3950/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút về việc thu hồi dự toán thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 và bổ sung năm 2023.

**PHẦN II**  
**DỰ KIẾN PHÂN BỐ DỰ KẾ HOẠCH VỐN VÀ DỰ TOÁN NSNN THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/9/2022 của HĐND huyện Cư Jút về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút; Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 10/7/2023 của HĐND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh một số nội dung kế hoạch thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Cư Jút về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút;

Căn cứ Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện Cư Jút về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cư Jút.

Căn cứ Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định 890/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Để kịp thời triển khai thực hiện, đảm bảo mục tiêu đã đề ra của các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định, UBND huyện dự toán ngân sách

nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cư Jút.

## **II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN**

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh.

2. Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; đẩy mạnh phân cấp tạo sự chủ động, linh hoạt cho cấp xã, các đơn vị; bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng; góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Phân bổ vốn ngân sách trung ương, địa phương năm 2024 cho các xã, các đơn vị, số vốn phân bổ căn cứ trên cơ sở thực tế về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, tiến độ và lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí mới và tiêu chí nâng cao. Ưu tiên cho các xã phấn đấu đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, các dự án chuyển tiếp để hoàn thành năm 2024, các dự án mở mới quan trọng, cần thiết để hoàn thiện hạ tầng nông thôn và các dự án có sự tham gia của cộng đồng, có khả năng huy động đóng góp để đối ứng.

## **III. DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT.**

### **1. Dự kiến kế hoạch vốn nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

Tổng kế hoạch vốn năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia là 59.479 triệu đồng, trong đó:

**1.1 Nguồn ngân sách trung ương:** 37.305 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 22.238 triệu đồng, vốn sự nghiệp 15.067 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 7.957 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 5.628 triệu đồng, vốn sự nghiệp 2.329 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 9.673 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 223 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9.450 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 19.675 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 16.387 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.288 triệu đồng.

**1.2 Nguồn ngân sách địa phương** (bao gồm ngân sách huyện và ngân sách xã) là 22.174 triệu đồng, bao gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.744 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 510 triệu đồng, vốn sự nghiệp 1.234 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 968 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 23 triệu đồng, vốn sự nghiệp 945 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 19.462 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 16.174 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.288 triệu đồng.

**Như vậy, tổng kế hoạch vốn năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:**

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 9.701 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 6.138 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.563 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 10.641 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 246 triệu đồng, vốn sự nghiệp 10.395 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 39.137 triệu đồng; trong đó, vốn đầu tư phát triển 32.561 triệu đồng, vốn sự nghiệp 6.576 triệu đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục VII đính kèm)*

## **2. Nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Tổng số nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện 03 chương trình là: 22.174 triệu đồng, phân bổ cho các cấp ngân sách như sau:

2.1 Nguồn vốn ngân sách cấp huyện đối ứng: 17.401 triệu đồng, từ nguồn cân đối ngân sách và nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 của cấp huyện.

2.2 Nguồn vốn ngân sách cấp xã đối ứng: 4.773 triệu đồng từ các nguồn hiện có của ngân sách xã và huy động đóng góp của nhân dân để thực hiện chương trình và các nguồn thu hợp pháp khác của xã.

*(Chi tiết có Phụ lục VIII đính kèm)*

## **3. Dự kiến phân bổ dự toán năm 2024 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia**

### **3.1 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững :**

#### **a) Vốn đầu tư**

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững là 246 triệu đồng (bao gồm: Ngân sách trung ương 223 triệu đồng ; ngân sách địa phương 23 triệu đồng).*

#### **b) Vốn sự nghiệp**

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo là 4.552 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 4.138 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 414 triệu đồng).

- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng:

*Tiểu dự án 1:* Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp là 1.694 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 1.540 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 154 triệu đồng).

- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững:

*Tiểu dự án 1:* Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn là 2.981 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 2.710 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 271 triệu đồng).

*Tiểu dự án 3:* Hỗ trợ việc làm bền vững là 350 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 318 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 32 triệu đồng).

- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

*Tiểu dự án 2:* Truyền thông về giảm nghèo đa chiều là 157 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 143 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 14 triệu đồng).

- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình là 661 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 601 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 60 triệu đồng).

*(Chi tiết có Phụ lục IX, X đính kèm)*

### **3.2 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

#### *a) Vốn đầu tư*

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 3.253 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 3.113 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 140 triệu đồng).

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

*Tiểu dự án 1:* Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.792 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 1.792 triệu đồng).

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch là 1.062 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 692 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 370 triệu đồng).

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

*Tiểu dự án 2:* Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 31 triệu đồng).

*b) Vốn sự nghiệp*

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 289 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 289 triệu đồng).

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá

*Tiểu dự án 2:* Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 376 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 288 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 88 triệu đồng).

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

*Tiểu dự án 1:* Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 280 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 280 triệu đồng).

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

*Tiểu dự án 4:* Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp là 49 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 49 triệu đồng).

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch là 1.666 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 752 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 914 triệu đồng).

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em là 244 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 244 triệu đồng).

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

*Tiểu dự án 02:* Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 112 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 112 triệu đồng).

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

*Tiểu dự án 1:* Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 là 537 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 305 triệu đồng; nguồn ngân sách địa phương 232 triệu đồng).

*Tiểu dự án 3:* Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình là 10 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 10 triệu đồng).

*(Chi tiết có Phụ lục XI, XII đính kèm)*

### **3.3 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.**

a) *Vốn đầu tư:* 32.561 triệu đồng (bao gồm: nguồn ngân sách trung ương 16.387 triệu đồng; nguồn ngân sách huyện 12.267 triệu đồng; nguồn ngân sách xã 3.907 triệu đồng).

b) *Vốn sự nghiệp:* 6.576 triệu đồng (bao gồm: ngân sách trung ương 3.288 triệu đồng; ngân sách huyện 2.422 triệu đồng; nguồn ngân sách xã 866 triệu đồng).

*(Chi tiết có Phụ lục XIII, XIV đính kèm)*

## **PHẦN III**

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024**

1. Các cấp, các ngành cần tiếp tục nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, tổ chức thực hiện các CTMQG. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát tổ chức thực hiện các CTMTQG.

2. Đẩy mạnh việc lồng ghép nguồn vốn thực hiện các CTMQG thông qua việc sử dụng vốn của nhiều chương trình, dự án để đầu tư thực hiện công trình, dự án, hoạt động có cùng mục tiêu, nội dung và được thực hiện trên cùng một địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn vốn thực hiện CTMQG, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Triển khai thực hiện áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp với quy trình đơn giản, thủ tục rút gọn trong lập, thẩm định, quyết định dự án, lựa chọn nhà thầu



thi công công trình và quản lý thi công, bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng có sự tham gia thực hiện của cộng đồng.

4. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các CTMQG thông qua việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của CTMQG và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của CTMQG...

5. Nâng cao năng lực tổ chức quản lý và thực hiện các CTMQG. Xây dựng nội dung nâng cao năng lực quản lý và thực hiện các CTMQG phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục tập quán từng dân tộc và gắn với nâng cao kỹ năng tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả đầu ra. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông trong tổ chức, thực hiện các CTMQG.

6. Tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện các chương trình MTQG bằng nhiều nội dung, hình thức để người dân biết cùng tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các chương trình trên địa bàn; vận động người dân đóng góp tiền, ngày công, hiến đất hoặc bằng nhiều hình thức khác để cung chung sức xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn.

## PHẦN IV ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

### **1. Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

- Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 thì đối tượng của các nội dung về giáo dục nghề nghiệp thuộc Chương trình là các “cơ sở giáo dục nghề nghiệp”. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 44 Luật Giáo dục năm 2019 thì Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là cơ sở giáo dục thường xuyên, không thuộc đối tượng thụ hưởng của Chương trình. Do vậy, việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 3 gặp rất nhiều khó khăn, nguồn lực lớn nhưng giới hạn về đối tượng, nội dung thực hiện. Kiến nghị xem xét, bổ sung đối tượng thụ hưởng là Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- Kiến nghị, cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh nội dung: "được thụ hưởng chính sách của Tiểu dự án này thì không được thụ hưởng chính sách tại các Dự án khác của Chương trình" vì thực hiện quy định nêu trên thì hộ nghèo các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn mất cơ hội tiếp cận một số nội dung thuộc Dự án thành phần khác của Chương trình.



- Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế: tại Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng quy định: “Đối với các hộ dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn: Hỗ trợ đầu tư có thu hồi vốn theo hộ hoặc cộng đồng chăn nuôi, phát triển sản xuất thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao”. Kiến nghị cấp có thẩm quyền quy định hình thức, đối tượng, định mức hỗ trợ cụ thể: Hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo thuộc danh sách dân tộc còn gặp nhiều khó khăn để phát triển sản xuất; định mức ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/hộ và hỗ trợ 01 lần trong giai đoạn của Chương trình.

## **2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**

- Kiến nghị Bộ Tài chính, Bộ LĐTB&XH rà soát sửa đổi, bổ sung các thông tư hướng dẫn về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương và các văn bản còn vướng mắc liên quan đến thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững.

- Kiến nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo các Sở, ngành liên quan biên soạn, ban hành cẩm nang/sổ tay hướng dẫn thực hiện nội dung liên quan đến CTMTQG GNBV giai đoạn 2021-2025 để các địa phương thống nhất thực hiện, thuận tiện áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

## **3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

- Kiến nghị UBND tỉnh đề xuất Chính phủ xem xét quy định, điều chỉnh giảm tỷ lệ đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Hiện nay, huyện Cư Jút với tỷ lệ đối ứng là 1:1, khả năng huy động các nguồn lực để bảo đảm tỷ lệ đối ứng của địa phương gặp rất nhiều khó khăn.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, dự kiến phương án phân bổ kế hoạch vốn và dự toán NSNN thực hiện 03 chương trình năm 2024. UBND huyện Cư Jút Báo cáo HĐND huyện xem xét./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT-TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Tú**

**PHỤ LỤC I**

**ƯỚC GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP**

*(Kèm theo Báo cáo số: 380 /BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)*



*Đơn: Triệu đồng*

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn 2023			Dự kiến giải ngân vốn năm 2023			Tỷ lệ %
		Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>	<b>9.169</b>	<b>8.337</b>	<b>832</b>	<b>5.963</b>	<b>5.467</b>	<b>496</b>	<b>65%</b>
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	3.377	3.070	307	3.377	3.070	307	100%
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	1.988	1.808	180	1.489	1.354	135	75%
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.489	1.354	135	1.489	1.354	135	100%
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	499	454	45	-			
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3.272	2.975	297	759	705	54	23%
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	2.971	2.701	270	594	540	54	20%
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	301	274	27	164	164		55%
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	532	484	48	339	339		64%



**PHỤ LỤC II**  
**ƯỚC GIẢI NGÂN NGÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT**  
**NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo số: 58/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn 2023			Dự kiến giải ngân vốn năm 2023			Tỷ lệ %
		Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>	<b>10.347</b>	<b>8.693</b>	<b>1.654</b>	<b>4.762</b>	<b>4.616</b>	<b>146</b>	<b>46,02%</b>
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	687	687		687	687		100,00%
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	501	479	22	501	479	22	100,00%
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	501	479	22	501	479	22	100,00%
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	239	239		239	239		100,00%
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	239	239		239	239		100,00%
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	4.228	3.035	1.193	1.667	1.667	-	39,43%
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	4.161	2.968	1.193	1.600	1.600		38,45%
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	67	67		67	67		100,00%
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	132	66	66	132	66	66	100,00%
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	542	243	299	542	542		100,00%
7	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	198	198		198	198		100,00%
8	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	3.477	3.461	16	453	453	-	13,03%
	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	3.024	3.008	16	-	-	-	0,00%
	Tiểu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	453	453		453	453		100,00%
9	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	343	285	58	343	285	58	100,00%
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.	343	285	58	343	285	58	100,00%
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình				-	-	-	



PHỤ LỤC III

ƯỚC GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: 380/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn 2023			Dự kiến giải ngân vốn năm 2023			Tỷ lệ %
		Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.352</b>	<b>4.676</b>	<b>4.676</b>	<b>7.014</b>	<b>4.676</b>	<b>2.338</b>	<b>75%</b>
<b>1</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>950</b>	<b>475</b>	<b>475</b>	<b>713</b>	<b>475</b>	<b>238</b>	<b>75%</b>
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá				-	-	-	
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền				-	-	-	
3	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	50	25	25	45,0	25	20	90%
4	Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo				- ,0	-	-	
5	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	150	75	75	145,0	75	70	97%
6	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn				- ,0	-	-	
7	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	100	50	50	80,0	50	30	80%
8	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CDS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BDG ...	200	100	100	130,0	100	30	65%
9	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	200	100	100	130,0	100	30	65%







10	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.	100	50	50	85,0	50	35	85%
11	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	150	75	75	97,5	75,0	22,5	65%
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>	<b>8.402</b>	<b>4.201</b>	<b>4.201</b>	<b>6.302</b>	<b>4.201</b>	<b>2.101</b>	<b>75%</b>
1	UBND xã Tâm Thắng	1.760	780	980	1.270,0	780	490	72%
2	UBND xã Đắk Drông	1.640	800	840	1.220,0	800	420	74%
3	UBND xã CưKnia	1.242	721	521	981,5	721	261	79%
4	UBND xã Nam Dong	1.760	900	860	1.330,0	900	430	76%
5	UBND xã Đắk Wil	500	250	250	375,0	250	125	75%
6	UBND xã Ea Pô	1.000	500	500	750,0	500	250	75%
7	UBND xã Trúc Sơn	500	250	250	375,0	250	125	75%





PHỤ LỤC IV

ƯỚC GIẢI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 580 /BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch vốn năm 2023				Dự kiến giải ngân vốn năm 2023			Tỷ lệ %	Ghi chú
				Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững			937	851	86	113	102	11	12%		
1	Trung tâm GDNN-GDTX			776	705	71						
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		776	705	71						
		Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		776	705	71						
		Công trình: Nhà xưởng để sản xuất Năm phục vụ dạy nghề	Trung tâm GDNN-GDTX cơ sở 2	0								
		Mua sắm trang thiết bị		0								
2	Phòng Lao động-TB&XH			161	146	15	113	102	11	70%		
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		161	146	15	113	102	11			
		Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		161	146	15	113	102	11			



PHỤ LỤC V

ƯỚC GIẢI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI  
VÙNG ĐÔNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số: 580/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

DVT: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2023			Dự kiến giải ngân vốn năm 2023			Tỷ lệ %	Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi											
1	UBND các xã											
		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt										
	Thị trấn EaTling											
	Xã Tam tháng											
	Xã Trúc sơn											
	Xã Cư Khia											
	Xã Đắk Rông											
	Xã Nam Dong											
	Xã Ea Pô											
	Xã Đắk Wil											
2	UBND các xã											
		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi										
		Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi										
	Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia thị trấn	Dự án: Nâng cấp mở rộng đường Nơ Trang Lơng	Bon U1	đài 500m, rộng: 8m								
	Ban quản lý các chương trình MITQG xã	Dự án: Đường bê tông xi măng thôn Nam tiến (đoạn từ nhà ông Vi Văn Huan đến nhà ông Vi Văn Thông)	Xã Ea Pô	Đài: 1.500m, rộng: 3m; BT mác 250 Cao: 18cm								
	Ban quản lý các chương trình MITQG xã	Công trình: Đường bê tông thôn 9 đi ngã 6 xã Đắk Wil	Thôn 9, xã Đắk Wil	Đài: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mác 250								



ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2023			Dự kiến giải ngân vốn năm 2023			Tỷ lệ %	Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện		
	Ban quản lý các chương trình MTQG xã	Dự án: đường bê tông xi măng bon Usrông (đoạn từ trạm biến thế đến đường đi thôn 8)	Bon Usrông	Đại: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mac 250	581	581	581	581	581	581	100%	
<b>3</b>	<b>UBND các xã</b>				531	270	261	531	270	261	100%	
	Ban quản lý xã	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			531	270	261	531	270	261	100%	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu Buôn Buôr, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút	Xã Tâm Thắng	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV								
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 9	Xã Đăk Wil	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV								
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 6	Xã Đăk Wil	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV								
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 10	xã Nam Dong	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV								
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn Hà Thông	Xã Đăk Wil	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV								
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 3 táng	Xã Ea Pô	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV	335	200	135	335	200	135	100%	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 11	Xã Đăk Drông	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV	196	70	126	196	70	126	100%	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 3	Xã Cư Kma	Loại công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV								
<b>4</b>	<b>Phòng Dân tộc</b>											
		Dự án 10: Truyền thống, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình										Bao gồm 11tr vốn: bs theo NQ 10 ngày 06/7/2023
		Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi										





PHỤ LỤC VI

ƯỚC GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CỬ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2023				Dự kiến giải ngân vốn năm 2023				Tỷ lệ %	Ghi chú
					Tổng công	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				39.287	19.426	15.236	4.625	35.592,42	19.426	14.779	1.388	91%	
1	UBND Tâm Thắng				4.287	1.851	1.761	675	3.761,67	1.851	1.708	203	88%	
		Công trình: Đường bê tông từ nghĩa trang Buôn Trun đi Buôn Ea Pô, xã Tâm Thắng	Buôn Trun, xã Tâm Thắng	Dài: 547m, rộng: 5m, BT mức 250 Cao: 18cm	1.000	389	611		982	389	593	0	98%	
		Công trình: Sửa chữa đường từ trụ sở UBND xã Tâm Thắng, đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Ngo đến ngã 3 thôn 4	Thôn 4, xã Tâm Thắng	Dài: 114m, rộng: 7m, BT mức 250 Cao: 18cm, công. vỉa hè: 1,5m	350	250		100	280	250	0	30	80%	
		Công trình: Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn 8 từ đường nhựa tuyến mới đến đường vành đai thôn 10	Thôn 8, thôn 10, xã Tâm Thắng	Dài: 1.150m, rộng: 3m, BT mức 250 Cao: 18cm	800	500	150	150	691	500	146	45	86%	
		Công trình: Đường bê tông xi măng buôn mui đi bên nước	Buôn Nui	Dài: 670m, rộng: 5m, BT mức 250 Cao: 18cm	800	475	200	125	707	475	194	38	88%	
		Công trình: Đường bê tông từ Hội trường đến cạnh đống	Thôn 13	Dài: 330m, rộng: 3m, cao 18cm, BT mức 250	237	87	100	50	199	87	97	15	84%	
		Duy tu, sửa chữa đường thôn 2 đi thôn 4	Thôn 2, thôn 4	Dài: 960m, nền 5m, mặt đường 3,5m, lát nhựa	0				0	0	0	0	#DIV/0!	
		Trường Mẫu giáo Tâm Thắng; hạng mục: Xây mới 01 phòng học, và 01 nhà vệ sinh.	Thôn 9, xã Tâm Thắng		300	150	100	50	262	150	97	15	87%	
		Nâng cấp, mở rộng đường thôn 15 đi buôn Nui, xã Tâm Thắng	Xã Tâm Thắng	Dài: 1.350m, rộng: 4m, BT mức 250 Cao: 18cm	800		600	200	642	0	582	60	80%	
2	UBND xã Trúc Sơn				1.750	800	600	350	1.487,00	800	582	105	85%	
		Công trình: Đường bê tông thôn 1 từ đoạn nhà Bà Phơn đến đoạn nhà Ông Nguyễn Ba Biều	Thôn 1, xã Trúc Sơn	Dài: 1.150m, rộng: 3,5m, BT mức 250 Cao: 18cm	950	550	200	200	804	550	194	60	85%	
		Trường TH và THCS Trúc Sơn, xã Trúc Sơn; hạng mục: Sửa chữa các phòng, nhà đá nung, nhà Hội trường, nhà vệ sinh, nhà bao vệ, bồn cây và công tường rào. Xây mới nhà để xe.	Xã Trúc Sơn		800	250	400	150	683	250	388	45	85%	
3	UBND xã Nam Đông				5.650	2.500	1.700	1.450	4.584,00	2.500	1.649	435	81%	
		Công trình: Đoạn đường bê tông nối tiếp giữa thôn Tân Bình - Thôn Tân Ninh, Thôn 2-Thôn 3, xã Nam Đông, huyện Cư Jút	Thôn Tân Bình-Thôn Tân Ninh	Dài: 700m, rộng: 5m, BT mức 250 Cao: 16cm, đắp lề mỗi bên 2,5m	650	250	400		638	250	388	0	98%	
		Công trình: Đường bê tông thôn 7 đi thôn 10 xã Nam Đông	Thôn 7 đi thôn 10	Dài: 1,2km, rộng: 5m, BT mức 250 Cao: 18cm	1.650	950	300	400	1.361	950	291	120	82%	
		Công trình: Trường mẫu giáo thôn Tân Bình, thuộc điểm trường mẫu giáo Hòa Mỹ, xã Nam Đông, huyện Cư Jút	Thôn Tân Bình	Xây 01 phòng học, công. tường rào, sân bê tông, giếng khoan	350	250	50	50	314	250	49	15	90%	
		Công trình: Đường bê tông thôn 8 đi thôn Tân Ninh	Thôn 8 đi thôn Tân Ninh	Dài: 01km, rộng: 3,5m, BT mức 250 Cao: 18cm	800	500	200	100	724	500	194	30	91%	
		Trường TH Lê Hồng Phong xã Nam Đông; hạng mục: Sửa chữa cái tạo các phòng, nhà Hiệu bộ, nhà vệ sinh, nhà bao vệ và công tường rào.			800		350	450	475	0	340	135	59%	
		Trường TH Lương Thế Vinh xã Nam Đông; hạng mục: Di dời nhà để xe, sửa chữa cái tạo các phòng, nhà Hiệu bộ, nhà bao vệ, nhà vệ sinh và công tường rào.			700	275	200	225	537	275	194	68	77%	
		Trường TH Lương Thế Vinh xã Nam Đông; hạng mục: Xây mới 03 phòng học.			700	275	200	225	537	275	194	68	77%	
4	UBND xã Cư Knia				1.850	600	350	900	1.209,50	600	340	270	65%	
		Công trình: Đường bê tông liên thôn 9 kết nối 2 trường học, xã Cư Knia	Thôn 9, xã Cư Knia	Dài: 1,5km, rộng: 3,5m, BT mức 250 Cao: 18cm	1.250	300	350	600	820	300	340	180	66%	
		Công trình: Mở rộng tuyến đường từ ngã 3 Ông Tăng đến trường tiểu học Chu Văn An, quy mô 20,5m, Mương thoát nước bê tông, mặt đường 11,5 mét	Thôn 2,3,4	Dài: 1.320km, rộng: 20,5m	0				0	0	0	0		
		Công trình: Mở rộng tuyến đường từ đập Đăk Đier đến ngã ba nhà ông Hương thôn 6, rộng 20,5m	Thôn 11,6	Dài: 2,8km, rộng: 20,5m	600	300		300	390	300	0	90	65%	
5	UBND xã Ea Pô				2.550	950	950	650	2.066,50	950	922	195	81%	
		Công trình: Nâng cấp, mở rộng khu trung tâm, xã Ea Pô	Thôn Tân Ninh, xã Ea Pô	Mở rộng lòng đường, bờ vỉa, lát gạch vỉa hè, di chuyển lấp đất đường ống nước sạch	1.550	750	650	150	1.426	750	631	45	92%	
		Công trình: Đường bê tông xi măng thôn nhà đến đoạn từ ngã 3 nhà ông Lâm đến giáp thôn 2 Nam Đông	Xã Ea Pô	Dài: 1,900m, rộng: 3m, BT mức 250, cao 18cm	1.000	200	300	500	641	200	291	150	64%	
6	UBND xã Đăk D'Rông				2.950	1.725	725	500	2.578,25	1.725	703	150	87%	



ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2023				Dự kiến giải ngân vốn năm 2023				Tỷ lệ %	Chi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
		Công trình: Đường bê tông khu tái định cư thôn 15	Thôn 15, xã Đăk Đrông	Dài: 800m, rộng: 3m, Cao: 16cm, mức 250	500	300	100	100	427	300	97	30	85%	
		Công trình: Đường bê tông thôn 17 đoạn từ ngã 3 nhà ông Thao đến giáp thôn 18 xã Đăk Wil	Thôn 17, xã Đăk Đrông	Dài: 1.250m, rộng: 3m, Cao: 16cm, mức 250	800	500	200	100	724	500	194	30	91%	
		Công trình: Đường bê tông thôn 17 từ nhà ông Chơ đến phần hiệu trường Tô Hữu	xã Đăk Đrông	Dài: 500m, rộng: 3m, Cao: 16cm, mức 250	500	250	100	150	392	250	97	45	78%	
		Trường Mẫu giáo Đăk D'rong, xã Đăk D'rong; hang mục: Sửa chữa cái tạo các phòng; nhà vệ sinh, nhà bao vệ, lát gạch terrazzo và sơn sửa công trường rào.	xã Đăk Đrông	Sửa chữa cái tạo phòng học, nhà vệ sinh, sân trường	650	375	125	150	541	375	121	45	83%	
		Đoạn từ cầu thôn 9 xã Cư K'Nia đến nhà ông Lý Văn Đệ	xã Đăk Đrông	Dài: 1.500m, đường cấp phối rộng 10m	500	300	200		494	300	194	0	99%	
7	UBND xã Đăk Wil				1.900	1.200	600	100	1.812,00	1.200	582	30	95%	
		Công trình: Đường bê tông từ thôn 18 đi giáp biên thôn 17 Đăk Đrông	Thôn 18, xã Đăk Wil	Dài: 150m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mức 250	0				0	0	0	0		KH 2022
		Công trình: Đường bê tông thôn 9 đi ngã 6 xã Đăk Wil	Thôn 9, xã Đăk Wil	Dài: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mức 250	700	450	250		693	450	243	0	99%	NS xã đối ứng nguồn phát triển KT-XH đồng bào DTTS
		Trường THCS Cao Bà Quýt, xã Đăk Wil, hang mục: Sửa chữa các phòng, nhà hiệu bộ, nhà bao vệ và công trường rào.	Xã Đăk Wil	Sửa chữa phòng học, nhà bao vệ, nhà hiệu bộ	1.025	625	300	100	946	625	291	30	92%	
		Đường bê tông thôn 18, đoạn từ nhà ông Tiến đi giáp ranh thôn 17	Xã Đăk Wil	Dài: 123m, rộng 3m, Cao 18cm, mức 250	175	125	50		174	125	49	0	99%	
9	BQLDA&PTQB				18.350	9.800	8.550	0	18.093,50	9.800	8.294	0	99%	
		Trường TH Lê Lợi, HM: Nhà hiệu bộ	Xã Ea Pô	Công trình cấp III	600	550	50		599	550	49	0	100%	
		Trường TH Lê Lợi, HM: Nhà thư viện, 04 phòng chức năng	Xã Ea Pô	Công trình cấp III	1.000	900	100		997	900	97	0	100%	
		Đường Mai Hắc Đế nối dài, Thủ trấn Ea Tling, huyện Cư Jút; Lý trình: Đường Mai Hắc Đế + đường liên xã Trúc Sơn-Cư K'Nia-Đăk Đrông-Nam Đông	Thị trấn Ea Tling, xã Trúc Sơn	Công trình cấp IV	2.000	1.000	1.000		1.970	1.000	970	0	99%	
		Nâng cấp, mở rộng đường thôn 14 xã Nam Đông, huyện Cư Jút; Lý trình: UBND xã Nam Đông đi đáp Cư Pú	Xã Nam Đông	Công trình cấp IV	4.000	2.500	1.500		3.955	2.500	1.455	0	99%	năm 2022 dự báo nguồn giải ngân
		Đường vành đai từ xã Tâm Thắng đi thị trấn Ea Tling và xã Trúc Sơn, lý trình: đường vào xã Ea Pô + Đường liên xã Trúc Sơn-Cư K'Nia-Đăk Đrông-Nam Đông	Liên xã	Công trình cấp IV	2.000	1.000	1.000		1.970	1.000	970	0	99%	
		Trường TH Ngô Quyền, HM: Xây mới 1 phòng tin học, 1 ngoại ngữ	Xã Nam Đông	Công trình cấp III	600	300	300		591	300	291	0	98%	
		Trường TH Lê Hồng Phong, HM: Xây mới nhà vệ sinh giao viên	Xã Nam Đông	Công trình cấp III	450	200	250		443	200	243	0	98%	
		Trường THCS Phan Đình Phùng, HM: Xây mới công trình vệ sinh cho học sinh	xã Tâm Thắng	Công trình cấp III	700	350	350		690	350	340	0	99%	
		Trường tiểu học Y Jut, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, hang mục: 06 phòng học và 04 phòng chức năng (2 tầng).	Xã Tâm Thắng	Công trình cấp III	3.000	1.500	1.500		2.955	1.500	1.455	0	99%	
		Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn 2 xã Cư K'Nia, huyện Cư Jút; Lý trình: Thôn 2+UBND xã Cư K'Nia	xã Cư K'Nia		4.000	1.500	2.500		3.925	1.500	2.425	0	98%	
10		NGUỒN VỐN BỔ SUNG THEO QĐ 890/QĐ-UBND NGÀY 25/7/2023 CỦA UBND TỈNH ĐẮK NÔNG												Tạm dừng theo TB 147/TB HĐND tỉnh ngày 07/8/2023



Handwritten text, possibly a signature or date, located on the right side of the page. The text is very faint and difficult to read, but appears to be written in a cursive or semi-cursive style.

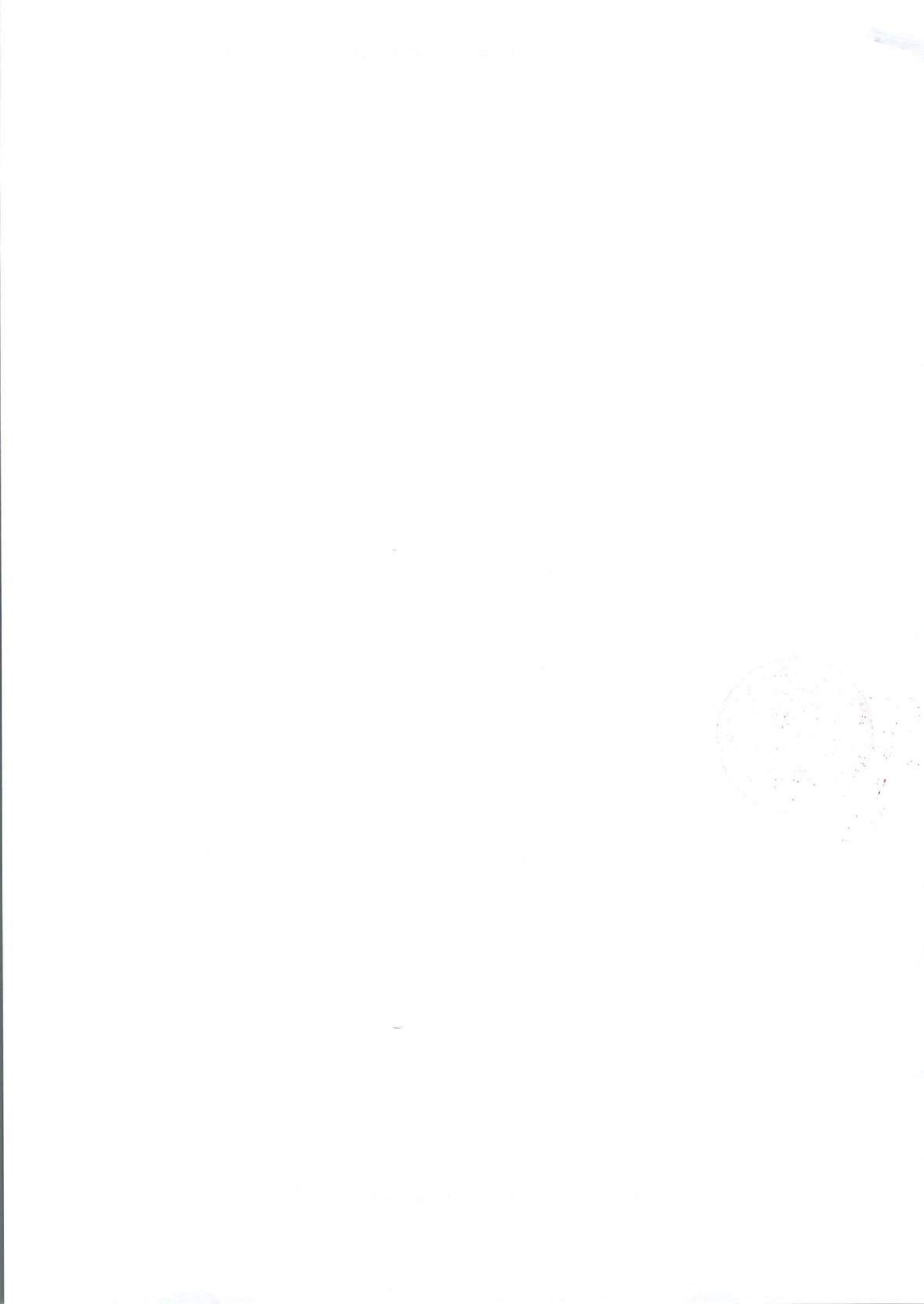
PHỤ LỤC VII

TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT

(Kèm theo Báo cáo số: 580/XBC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình	Tổng cộng			Ngân sách Trung ương			Ngân sách địa phương		
		Tổng	Vốn ĐTP	Vốn Sự nghiệp	Tổng	Vốn ĐTP	Vốn Sự nghiệp	Tổng	Vốn ĐTP	Vốn Sự nghiệp
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>59.479</b>	<b>38.945</b>	<b>20.534</b>	<b>37.305</b>	<b>22.238</b>	<b>15.067</b>	<b>22.174</b>	<b>16.707</b>	<b>5.467</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	10.641	246	10.395	9.673	223	9.450	968	23	945
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	9.701	6.138	3.563	7.957	5.628	2.329	1.744	510	1.234
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	39.137	32.561	6.576	19.675	16.387	3.288	19.462	16.174	3.288



**PHỤ LỤC VIII**

**DỰ KIẾN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ƯNG THUỘC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT**

(Kèm theo Báo cáo số: 566/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình	Tổng cộng			Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp		
		Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Tổng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>22.174</b>	<b>17.401</b>	<b>4.773</b>	<b>16.707</b>	<b>12.800</b>	<b>3.907</b>	<b>5.467</b>	<b>4.601</b>	<b>866</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	968	968	0	23	23		945	945	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.744	1.744	0	510	510		1.234	1.234	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	19.462	14.689	4.773	16.174	12.267	3.907	3.288	2.422	866

1. The first part of the document  
2. The second part of the document  
3. The third part of the document  
4. The fourth part of the document  
5. The fifth part of the document







PHỤ LỤC IX

ĐIỀU KIỆN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: 58/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn 2024			Ghi chú
		Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>	<b>10.395</b>	<b>9.450</b>	<b>945</b>	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	<b>4.552</b>	4.138	414	
	Thị trấn Ea T'ling	561	510	51	
	Xã Tâm Thắng	561	510	51	
	Xã Nam Dong	499	454	45	
	Xã Ea Pô	561	510	51	
	Xã Đăk Wil	624	567	57	
	Xã Đăk D'rông	561	510	51	
	Xã Cư K'nia	624	567	57	
	Xã Trúc Sơn	561	510	51	
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	<b>1.694</b>	<b>1.540</b>	<b>154</b>	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	<b>1.694</b>	1.540	154	
	Thị trấn Ea T'ling	209	190	19	
	Xã Tâm Thắng	209	190	19	
	Xã Nam Dong	186	169	17	
	Xã Ea Pô	209	190	19	
	Xã Đăk Wil	232	211	21	
	Xã Đăk D'rông	209	190	19	
	Xã Cư K'nia	232	211	21	
	Xã Trúc Sơn	208	189	19	
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	<b>3.331</b>	3.028	303	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	<b>2.981</b>	2.710	271	
	Trung tâm GDNN-GDTX	2.981	2.710	271	
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	<b>350</b>	318	32	
	Phòng Lao động-TB&XH	350	318	32	
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	<b>157</b>	<b>143</b>	<b>14</b>	
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	<b>157</b>	143	14	
	Phòng Văn hoá thông tin huyện	157	143	14	
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	<b>661</b>	<b>601</b>	<b>60</b>	
	Thị trấn Ea T'ling	81	74	7	
	Xã Tâm Thắng	81	74	7	
	Xã Nam Dong	73	67	6	
	Xã Ea Pô	81	74	7	
	Xã Đăk Wil	91	82	9	
	Xã Đăk D'rông	82	74	8	
	Xã Cư K'nia	91	82	9	
	Xã Trúc Sơn	81	74	7	



PHỤ LỤC X

**DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Báo cáo số: 580/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
			Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		246	223	23	
1	Phòng Lao động-TB&XH		246	223	23	
		Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	246	223	23	
		Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	246	223	23	



PHỤ LỤC XI

ĐỰ KIẾN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ  
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP



(Kèm theo Báo cáo số: 580/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Tên đơn vị/địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn 2024			Ghi chú
			Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>		<b>3.563</b>	<b>2.329</b>	<b>1.234</b>	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		289	289		
		Thị trấn Ea T'ling	36	36		
		Xã Tâm Thắng	37	37		
		Xã Nam Dong	36	36		
		Xã Ea Pô	36	36		
		Xã Đăk Wil	36	36		
		Xã Đăk D'rông	36	36		
		Xã Cư K'nia	36	36		
		Xã Trúc Sơn	36	36		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	376	288	88	
	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		376	288	88	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Xã Đăk D'rông ( Bon Ustrông)	280	280		
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		280	280		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Phòng Dân tộc	49	49		
	Tiêu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		49	49		
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Xã Tâm Thắng	1.666	752	914	
6	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em		244	244		
		Thị trấn Ea T'ling	30	30		
		Xã Tâm Thắng	34	34		
		Xã Nam Dong	30	30		
		Xã Ea Pô	30	30		
		Xã Đăk Wil	30	30		
		Xã Đăk D'rông	30	30		
		Xã Cư K'nia	30	30		
		Xã Trúc Sơn	30	30		
7	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Phòng Dân tộc	112	112		

STT	Tên dự án, công trình	Tên đơn vị/địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn 2024			Ghi chú
			Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
	Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		0			
	Tiêu dự án 02: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		112	112		
8	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Phòng Dân tộc	547	315	232	
	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.		537	305	232	
	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình		10	10		

PHỤ LỤC XII

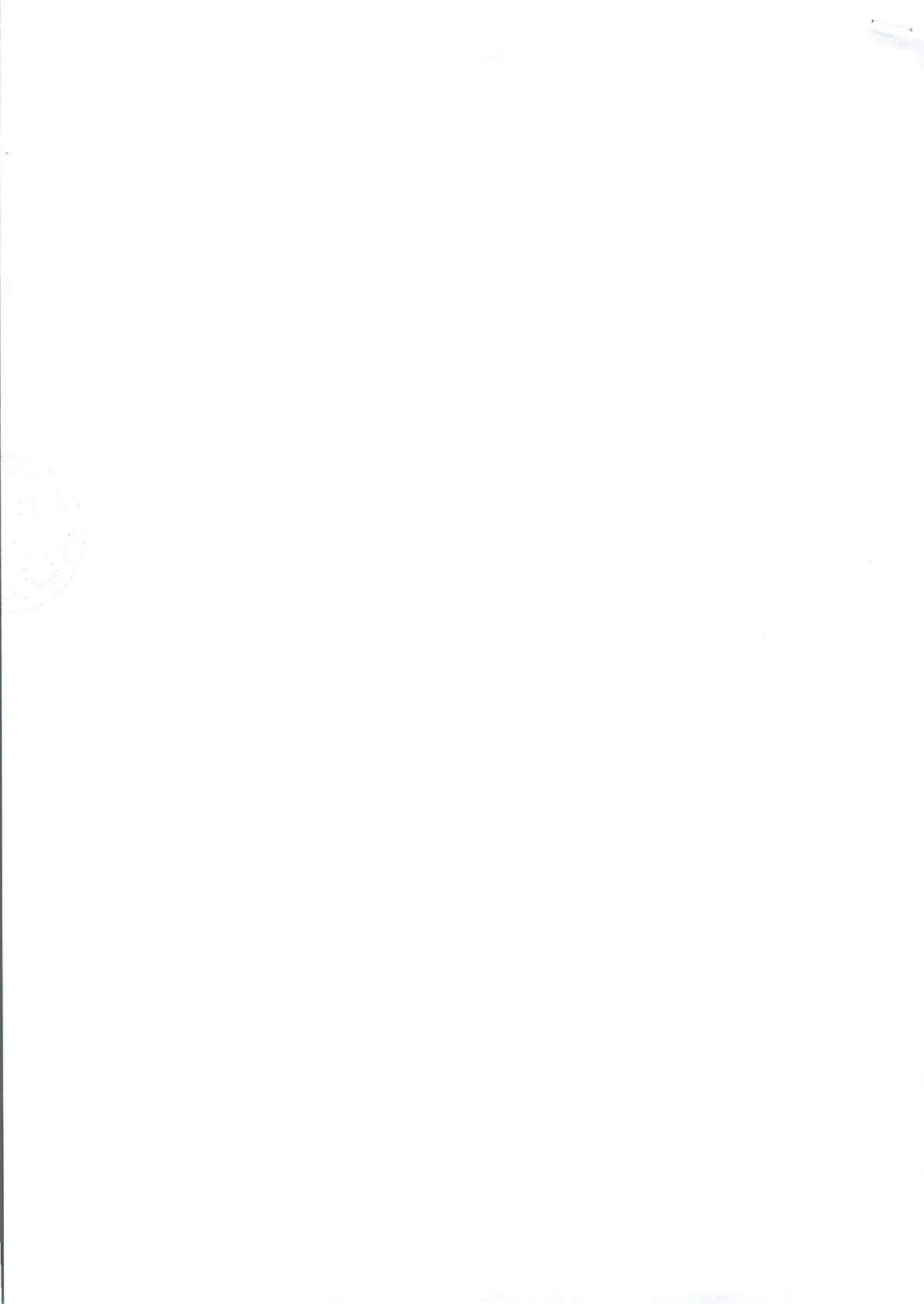
ĐỰ KIẾN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số: 580/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				6.138	5.628	510	
1	UBND các xã				3.253	3.113	140	
		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			3.253	3.113	140	
	Thị trấn Ea Tling				728	700	28	
	Xã Tâm Thắng				428	400	28	
	Xã Trúc Sơn				350	350	0	
	Xã Cư Knia				262	250	12	
	Xã Đắk Rông				256	240	16	
	Xã Nam Đông				416	400	16	
	Xã Ea Pô				220	200	20	
	Xã Đắk Wil				593	573	20	
2	UBND các xã				1.792	1.792	0	
		Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			1.792	1.792	0	
		Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			1.792	1.792	0	
	Ban Quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia thị trấn	Dự án: Nâng cấp mở rộng đường Nơ Trang Long	Bon U1	dài 500m, rộng: 8m	550	550	0	
	Ban quản lý các chương trình MTQG xã	Dự án: Đường bê tông xi măng thôn Nam tiến (đoạn từ nhà ông Vi Văn Huân đến nhà ông Vi Văn Thống)	Xã Ea Pô	Dài: 1.500m, rộng: 3m, BT mac 250 Cao: 18cm	742	742	0	
	Ban quản lý các chương trình MTQG xã	Công trình: Đường bê tông thôn 9 đi ngã 6 xã Đắk Wil	Thôn 9, xã Đắk Wil	Dài: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mac 250	0	0	0	Công trình lồng ghép vốn MTQG xây dựng
	Ban quản lý các chương trình MTQG xã	Dự án: đường bê tông xi măng bon Usrông (đoạn từ trạm biến thế đến đường đi thôn 8)	Bon Usrông	Dài: 1.200m, rộng: 3m, Cao: 18cm, mac 250	500	500	0	
3	UBND các xã				1.062	692	370	
		Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			1.062	692	370	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu Buôn Buôr, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút	Xã Tâm Thắng	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	224	192	32	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 9	Xã Đắk Wil	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	167,5	100	67,5	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 6	Xã Đắk Wil	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	167,5	100	67,5	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 10	xã Nam Đông	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	168	100	68	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn Hà Thống	Xã Đắk Wil	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	167,5	100	67,5	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 3 tầng	Xã Ea Pô	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	0	0	0	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 11	Xã Đắk Rông	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	0	0	0	
	Ban quản lý xã	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa Thôn 3	Xã Cư Knia	Loại công trình dân dụng, Cấp công trình: cấp IV	167,5	100	67,5	
4	Phòng Dân tộc				31	31	0	







ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2024			Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	
		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			31	31	0	Bao gồm 1 tr vốn bs theo NQ 10 ngày 06/7/2023
		Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			31	31	0	



Handwritten notes in the top right corner, including a date and some illegible text.

Faint handwritten notes or markings on the left side of the page.

## PHỤ LỤC XIII

**DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: SỰ NGHIỆP**

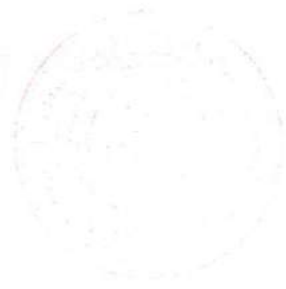
(Kèm theo Báo cáo số: 590/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch vốn 2024				Ghi chú
		Tổng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.576</b>	<b>3.288</b>	<b>2.422</b>	<b>866</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>550</b>	<b>275</b>	<b>275</b>		
1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn, phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.	150	75	75		
	Phòng Nông nghiệp & PTNN	150	75	75		
2	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn	100	50	50		
	Phòng Y tế	100	50	50		
3	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	100	50	50		
	Phòng Tài nguyên & Môi trường	100	50	50		
4	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới	50	25	25		
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	50	25	25		
5	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.	150	75	75		
	Phòng Nông nghiệp & PTNN	150	75	75		
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>	<b>6.026</b>	<b>3.013</b>	<b>2.147</b>	<b>866</b>	
1	UBND xã Tâm Thắng	660	340	230	90	Giao UBND cấp xã phân bổ chi tiết để thực hiện các nội dung của chương trình
2	UBND xã Đăk Drông	580	280	225	75	
3	UBND xã Cư Knia	850	425	275	150	
4	UBND xã Nam Dong	2.100	1.050	750	300	
5	UBND xã Đăk Wil	550	250	225	75	
6	UBND xã Ea Pô	600	340	188	72	
7	UBND xã Trúc Sơn	686	328	254	104	

**\* Ghi chú:**

- Các xã Tâm Thắng, Đăk Drông, Cư knia, Nam Dong, Ea Pô, Trúc Sơn, Đăk Wil đã bao gồm 26 triệu đồng thực hiện Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.
- Xã Nam Dong gồm: Kinh phí lập quy hoạch đảm bảo tiêu chí Nông thôn mới nâng cao
- Các xã Tâm Thắng, Đăk Drông, Cư knia, Nam Dong, Ea Pô, Trúc Sơn, Đăk Wil đã bao gồm 30 triệu đồng thực hiện Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CDS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BDG ...



PHỤ LỤC XIV

**DỰ KIẾN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ JÚT  
NGUỒN VỐN: ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Báo cáo số: 50/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Cư Jút)

DVT: Triệu đồng

ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2024				Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
<b>1</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>				<b>32.561</b>	<b>16.387</b>	<b>12.267</b>	<b>3.907</b>	
<b>1</b>	<b>UBND Tâm Thắng</b>				<b>3.657</b>	<b>1.708</b>	<b>1.224</b>	<b>725</b>	
		Công trình: Đường bê tông từ nghĩa trang Buôn Trum đi Buôn Ea Pô, xã Tâm Thắng	Buôn Trum, xã Tâm Thắng	Dài: 547m, rộng: 5m; BT mức 250 Cao: 18cm	600	261	339		
		Công trình: Sửa chữa đường ra trụ sở UBND xã Tâm Thắng, đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Ngo đến ngã 3 thôn 4	Thôn 4, xã Tâm Thắng	Dài: 114m, rộng: 7m; BT mức 250 Cao: 18cm, công, vỉa hè: 1,5m	150		50	100	
		Công trình: Nâng cấp mở rộng tuyến đường thôn 8 từ đường nhựa tuyến mới đến đường vành đai thôn 10	Thôn 8, thôn 10, xã Tâm Thắng	Dài: 1.150m, rộng: 3m, BT mức 250 Cao: 18cm	350	100	150	100	
		Công trình: Đường bê tông xi măng buôn nui đi bên nước	Buôn Nui	Dài: 670m, rộng: 5m, BT mức 250 Cao: 18cm	424	99	200	125	
		Công trình: Đường bê tông từ Hội trường đến cánh đồng	Thôn 13	Dài 330m, rộng: 3m, cao 18cm, BT mức 250	333	148	135	50	
		Duy tu, sửa chữa đường thôn 2 đi thôn 4	Thôn 2, thôn 4	Dài: 960m, nền 5m, mặt đường 3,5m, tạt nhựa	500	200	100	200	
		Trường Mẫu giáo Tâm Thắng, hạng mục: Xây mới 01 phòng học, và 01 nhà vệ sinh.	Thôn 9, xã Tâm Thắng		300	150	100	50	
		Nâng cấp, mở rộng đường thôn 15 đi buôn Nui, xã Tâm Thắng	Xã Tâm Thắng	Dài: 1.350m, rộng: 4m, BT mức 250 Cao: 18cm	1.000	750	150	100	
<b>2</b>	<b>UBND xã Trúc Sơn</b>				<b>1.150</b>	<b>600</b>	<b>350</b>	<b>200</b>	
		Công trình: Đường bê tông thôn 1 từ đoạn nhà Ba Phôn đến đoạn nhà Ông Nguyễn Ba Biểu	Thôn 1, xã Trúc Sơn	Dài: 1.150m, rộng: 3,5m; BT mức 250 Cao: 18cm	450	200	150	100	
		Trường TH và THCS Trúc Sơn, xã Trúc Sơn; hạng mục: Sửa chữa các phòng, nhà đa năng, nhà Hội trường, nhà vệ sinh, nhà bao vệ, bồn cây và công tường rào. Xây mới nhà để xe.	Xã Trúc Sơn		700	400	200	100	
<b>3</b>	<b>UBND xã Nam Dong</b>				<b>3.806</b>	<b>1.778</b>	<b>1.378</b>	<b>650</b>	
		Công trình: Đoạn đường bê tông nối tiếp giữa thôn Tân Bình - Thôn Tân Ninh; Thôn 2-Thôn 3, xã Nam Dong, huyện Cư Jút	Thôn Tân Bình-Thôn Tân Ninh	Dài: 700m, rộng: 3m; BT mức 250 Cao: 16cm, đắp lề mỗi bên 2,5m	200		200		
		Công trình: Đường bê tông thôn 7 đi thôn 10 xã Nam Dong	Thôn 7 đi thôn 10	Dài: 1,2km, rộng: 5m; BT mức 250 Cao: 18cm	450	200	150	100	
		Công trình: Trường mẫu giáo thôn Tân Bình, thuộc điểm trường mẫu giáo Hoa My, xã Nam Dong, huyện Cư Jút	Thôn Tân Bình	Xây 01 phòng học, công, tường rào, sân bê tông, giếng khoan	150		100	50	
		Công trình: Đường bê tông thôn 8 đi thôn Tân Ninh	Thôn 8 đi thôn Tân Ninh	Dài: 01km, rộng: 3,5m; BT mức 250 Cao: 18cm	556	178	278	100	
		Trường TH Lê Hồng Phong xã Nam Dong; hạng mục: Sửa chữa cải tạo các phòng, nhà Hiệu bộ, nhà vệ sinh, nhà bao vệ và công tường rào.			1.150	750	250	150	
		Trường TH Lương Thế Vinh xã Nam Dong; hạng mục: Di dời nhà để xe, sửa chữa cải tạo các phòng, nhà Hiệu bộ, nhà bao vệ, nhà vệ sinh và công tường rào.			600	325	150	125	



ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2024				Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
		Trường TH Lương Thế Vinh xã Nam Dong, hạng mục: Xây mới 03 phòng học.			700	325	250	125	
4	UBND Xã Cư K'nia				3.050	1.550	600	900	
		Công trình: Đường bê tông liên thôn 9 kết nối 2 trường học, xã Cư K'nia	Thôn 9, xã Cư k'nia	Dài: 1,5km, rộng: 3,5m; BT mức 250 Cao: 18cm	750	450		300	
		Công trình: Mở rộng tuyến đường từ ngã 3 Ông Tăng đến trường tiểu học Chu Văn An, quy mô 20,5m, Mương thoát nước bê tông; mặt đường 11,5 mét	Thôn 2,3,4	Dài: 1,320km, rộng: 20,5m	2.000	1.000	500	500	
		Công trình: Mở rộng tuyến đường từ đập Đăk Đier đến ngã ba nhà ông Hường thôn 6, rộng 20,5m	Thôn 11,6	Dài: 2,8km, rộng: 20,5m	300	100	100	100	
5	UBND xã Ea Pô				2.100	1.250	550	300	
		Công trình: Nâng cấp, mở rộng khu trung tâm, xã Ea Pô	Thôn Thanh Tâm, Đăk Thanh	Mở rộng lòng đường, bỏ vỉa, lát gạch vỉa hè, đi chuyên lắp đặt đường ống nước sạch	500	250	150	100	
		Công trình: Đường bê tông xi măng thôn nhà đến đoạn từ ngã 3 nhà ông Lâm đến giáp thôn 2 Nam Dong	Xã Ea Pô	Dài: 1.900m, rộng: 3m, BT mức 250, cao 18cm	1.600	1.000	400	200	
6	UBND xã Đăk D'Rông				1.950	650	800	500	
		Công trình: Đường bê tông khu tái định cư thôn 15	Thôn 15, xã Đăk D'rông	Dài: 800m rộng: 3m, Cao:16cm, mức 250	400	150	150	100	
		Công trình: Đường bê tông thôn 17 đoạn từ ngã 3 nhà ông Thảo đến giáp thôn 18 xã Đăk Wil	Thôn 17, xã Đăk D'rông	Dài: 1.250m rộng: 3m, Cao:16cm, mức 250	400	150	150	100	
		Công trình: Đường bê tông thôn 17 từ nhà ông Chơi đến phân hiệu trường Tô Hiệu	xã Đăk D'rông	Dài: 500m, rộng: 3m, Cao: 16cm, mức 250	400	150	100	150	
		Trường Mẫu giáo Đăk D'rông, xã Đăk D'rông; hạng mục: Sửa chữa cải tạo các phòng, nhà vệ sinh, nhà bảo vệ, lát gạch terrazzo và sơn sửa công tường rào.	xã Đăk D'rông	Sửa chữa cải tạo phòng học, nhà vệ sinh, sân trường	375	100	125	150	
		Đoạn từ cầu thôn 9 xã Cư K'nia đến nhà ông Lý Văn Dê	xã Đăk D'rông	Dài: 1.500m, đờng cấp phối rộng 10m	375	100	275		
7	UBND xã Đăk Wil				1.020	275	675	70	
		Công trình: Đường bê tông từ thôn 18 đi giáp biên thôn 17 Đăk D'rông	Thôn 18, xã Đăk Wil	Dài: 150m, rộng: 3m, Cao:18cm, mức 250	70		70		
		Công trình: Đường bê tông thôn 9 đi ngã 6 xã Đăk Wil	Thôn 9, xã Đăk Wil	Dài: 1.200m, rộng: 3m, Cao:18cm, mức 250	251	1	250		
		Trường THCS Cao Bá Quát, xã Đăk Wil; hạng mục: Sửa chữa các phòng, nhà Hiệu bộ, nhà bảo vệ và công tường rào.	Xã Đăk Wil	Sửa chữa phòng học, nhà bảo vệ, nhà hiệu bộ	624	274	280	70	
		Đường bê tông thôn 18, đoạn từ nhà ông Tiện đi giáp ranh thôn 17	Xã Đăk Wil	Dài: 123m, rộng 3m, Cao 18cm, mức 250	75		75		
8	BQLDA&PTQD				8.750	5.173	3.577	0	
		Trường TH Lê Lợi; HM: Nhà hiệu bộ	Xã Ea Pô	Công trình cấp III	250	200	50		
		Trường TH Lê Lợi; HM: Nhà thư viện, 04 phòng chức năng	Xã Ea Pô	Công trình cấp III	300	250	50		
		Đường Mai Hắc Đế nối dài, Thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, Lý trình: Đường Mai Hắc Đế → đường liên xã Trúc Sơn-Cư K'nia-Đăk D'rông-Nam Dong	Thị trấn Ea T'ling, xã Trúc Sơn	Công trình cấp IV	800	250	550		
		Nâng cấp, mở rộng đường thôn 14 xã Nam Dong, huyện Cư Jút; Lý trình: UBND xã Nam Dong đi đập Cư Pu	Xã Nam Dong	Công trình cấp IV	1.200	598	602		





ST T	Tên đơn vị thực hiện	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô công trình	Kế hoạch vốn năm 2024				Ghi chú
					Tổng cộng	Ngân sách TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
		Đường vành đai từ xã Tâm Thắng đi thị trấn Eat'ling và xã Trúc Sơn, lý trình: đường vào xã Ea Pô + Đường liên xã Trúc Sơn-Cư K'Nia-Đắk D'Rông-Nam Dong	Liên xã	Công trình cấp IV	1.300	750	550		
		Trường TH Ngô Quyền; HM: Xây mới 1 phòng tin học, 1 ngoại ngữ	Xã Nam Dong	Công trình cấp III	600	300	300		
		Trường TH Lê Hồng Phong; HM: Xây mới nhà vệ sinh giáo viên	Xã Nam Dong	Công trình cấp III	50	50			
		Trường THCS Phan Đình Phùng; HM: Xây mới công trình vệ sinh cho học sinh	xã Tâm Thắng	Công trình cấp III	50	25	25		
		Trường tiểu học Y Jút, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút; hạng mục: 06 phòng học và 04 phòng chức năng (2 tầng).	Xã Tâm Thắng	Công trình cấp III	1.300	850	450		
		Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn 2 xã Cư K'Nia, huyện Cư Jút; Lý trình: Thôn 2+UBND xã Cư K'Nia	xã Cư K'Nia		2.900	1.900	1.000		
10		<b>NGUỒN VỐN BỔ SUNG THEO QĐ 890/QĐ-UBND NGÀY 25/7/2023 CỦA UBND TỈNH ĐẮK NÔNG</b>			<b>7.078</b>	<b>3.403</b>	<b>3.113</b>	<b>562</b>	
	<b>UBND xã Đắk D'Rông</b>				<b>1.146</b>	<b>573</b>	<b>573</b>	<b>-</b>	
		Công trình: Đường bê tông xi măng thôn 8 đoạn từ ngã 3 nhà ông Hoàng Văn Hiền đến nhà ông Hoàng Văn Thu	Thôn 8, xã Đắk D'Rông	Dài: 1,4km; rộng: 3,5m; BT mức 250, Cao: 16cm	1.146	573	573		
	<b>UBND xã Nam Dong</b>				<b>1.855</b>	<b>805</b>	<b>1.050</b>	<b>-</b>	
		Công trình: Đường bê tông thôn 15 (từ nhà ông Thông đến nhà ông Chung)	Thôn 15, xã Nam Dong	Dài: 800m, rộng: 3,5m; BT mức 250, Cao 18cm	800	350	450		
		Công trình: Đường bê tông và hệ thống thoát nước thôn Trung Tâm (đoạn từ nhà ông Khoán đến nhà ông Cơ)	Thôn Trung Tâm	Dài: 250m; rộng 5m; BT mức 250, cao 18cm; Chiều dài công thoát nước chữ U hai bên: 500m	1.055	455	600		
	<b>UBND xã Tâm Thắng</b>				<b>4.077</b>	<b>2.025</b>	<b>1.490</b>	<b>562</b>	
		Công trình: Via hè thôn 15 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 14 đến ngã 3 đi thôn 7) xã Tâm Thắng	Thôn 15, xã Tâm Thắng	Mỗi bên dài 1.050m; rộng 4m; lát gạch terrazzo	1.100	600	500		
		Công trình: Đường bê tông từ Hội trường đến cảnh đồng	Thôn 13, xã Tâm Thắng	Dài 550m, rộng: 3m, cao 18cm, BT mức 250	270	150	50	70	
		Đường bê tông thôn 4 (Đoạn từ nhà ông Lung đến nhà bà Sáu)	Thôn 4, xã Tâm Thắng	Dài 350, rộng :3m, BT mức 250, cao 16cm	392	175	160	57	
		Đường bê tông thôn 5 (Đoạn từ nhà ông Chính đến nhà ông Phương)	Thôn 5, xã Tâm Thắng	Dài 330, rộng :3m, BT mức 250, cao 16cm	365	150	142	73	
		Đường bê tông thôn 5 (Đoạn từ nhà ông Ty đến nhà ông Quang)	Thôn 5, xã Tâm Thắng	Dài 390, rộng :3m, BT mức 250, cao 16cm	430	190	162	78	
		Đường bê tông thôn 9 (Đoạn từ nhà ông Hội đến nhà ông Hót)	Thôn 9, xã Tâm Thắng	Dài 450, rộng :3m, BT mức 250, cao 16cm	500	275	129	96	
		Đường bê tông thôn 9 (Đoạn từ nhà bà Hạt đến đường tuyến mới)	Thôn 9, xã Tâm Thắng	Dài 450, rộng :3m, BT mức 250, cao 16cm	220	110	78	32	
		Đường bê tông Buôn Buờ (Đoạn từ nhà bà H Anh đến đường Thụy Vân)	Buôn Buờ, xã Tâm Thắng	Dài 350, rộng :3m, BT mức 250, cao 16cm	410	180	166	64	
		Đường bê tông Buôn Buờ (Đoạn từ nhà ông Y Tớt đến nhà ông Ma Vinh)	Buôn Buờ, xã Tâm Thắng	Dài 280, rộng: 3m, BT mức 250, cao 16cm	390	195	103	92	

